

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+TD5	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
2		VSP02+TD1-TD3	7:25	5+16	0+0		2+20	0+0	
3		P9+TD3	9:25	11+9	0+0		9+9	0+0	
4		P11+TD5+RP1	9:25	19+3+0	0+0+0		17+3+1	0+0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/03/2023	TO: BK8 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - PTUẤN	ETA: 09:10
xanh-1			

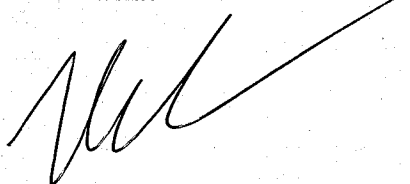
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	BK8	31,04	2	17	30	67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN CAO CƯỜNG	BK8	60	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TUẤN	BK8	01-03	3	19		52	XAYLAP	Vietnamese
4	DAVYDOV DANIL	TD5	06	1	5		72	KHOAN	Russian
5	CHUSH MAKSIM	TD5	05	1	5		100	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	300	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	01	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	VI HUNG CUƠNG	TD5	03	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	97	1	12		63	KHOAN	Vietnamese
10	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	98	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN DƯỠNG	TD5	90	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO THANH SƠN	TD5	99	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH HIỆU	TD5	96	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	10	1	12	55	80	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	04	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD5	94-95	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
17	TÔNG TIẾN QUANG	TD5	93	1	15		76	DVL	Vietnamese
18	PHẠM QUANG TRUNG	TD5	91-92	2	19		77	DVL	Vietnamese
19	HỒ VĂN ANH	TD5					78	PSV	Vietnamese
20	NGÔ VĂN THANH	TD5	08-09	2	15		67	PSV	Vietnamese
21	ĐINH VĂN HOÀI	TD5	02	1	3		70	PSV	Vietnamese
22	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	07	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	3	6	49	189	30	0		
2	TD5	19	21	143	1.400	55	22		
TOTAL		22	27	192	1.589	85	22		
WEIGHT KG				192	1.589	85			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

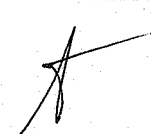
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/03/2023	TO: VSP02 - TD1 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Dương - MMinh - MQUÂN - N.Cường	ETA: 09:15
CAM-1			

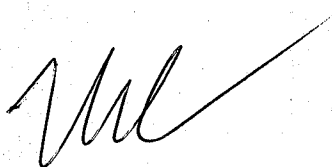
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRIANDOFILIDI Y.I.	VSP02	02	1	5		100	KH-THAC	Russian
2	SABITOV A.A	VSP02	01	1	3	60	80	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	03	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TO THANH	VSP02	04-06	3	18	10	65	SHINTRAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MANH	VSP02	08	1	8		74	SHINTRAC	Vietnamese
6	KARPININ ALEXEY	TD1	79	1	15		98	KHOAN	Russian
7	KHOROTKOV VICTOR	TD3	01	1	7		120	KHOAN	Russian
8	GUSEYNOV MAXIM	TD3	02	1	7		75	KHOAN	Russian
9	BUI HUU VUNG	TD3	03	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
10	CHU VAN THANG	TD3	05	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGO VAN KIEM	TD3	15	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	DO THANH HAI	TD3	08	1	5		99	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM TRUONG ANH	TD3	14	1	5		93	KHOAN	Vietnamese
14	LUU VAN SON	TD3	07	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
15	LE ANH XUAN	TD3				105	68	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VAN THUONG	TD3	11-13	3	17		73	KHOAN	Vietnamese
17	LE QUANG NGHIEP	TD3	06	1	14		71	DMC-MI	Vietnamese
18	TRAN QUOC CUONG	TD3	09	1	8		56	DMC-MI	Vietnamese
19	LE TRUNG SON	TD3	04	1	6		75	D-HANH	Vietnamese
20	PHAN HAI NAM	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN PHI HUNG	TD3	10	1	4		84	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

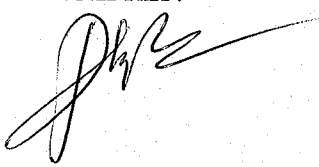
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	5	7	44	384	70	2		1NB: Phan Như Cường
2	TD1	1	1	15	98	0	0		
3	TD3	15	15	95	1.169	105	20		
TOTAL		21	23	154	1.651	175	22		
WEIGHT KG				154	1.651	175			

GRAND TOAL: 1.980 KGS

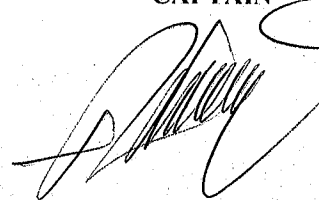
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: TD3 - P9 - P2	CREW: VThắng - N.ANH - PTUẤN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	21-22	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
2	LUONG XUÂN ĐƯỢC	TD3	28	1	3		75	PSV	Vietnamese
3	QUÁCH ĐẮC THẠNH	TD3	26	1	3		52	PSV	Vietnamese
4	LÊ THANH CHÂU	TD3	24	1	7		70	PSV	Vietnamese
5	VÕ VĂN TUẤN TỰ	TD3	27	1	5		80	PSV	Vietnamese
6	PHẠM VĂN DUÂN	TD3					80	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN KHANH CHÂN	TD3	23	1	5		56	PSV	Vietnamese
8	PHAN MINH TUẤN	TD3	25	1	5		78	PSV	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN CHUÂN	P9	93-94	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN BAO	P9	76	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TUẤN	P9	77	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG SỸ	P9	83	1	6	20	55	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG DANH	P9	78-79	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐẮC HÙNG	P9	82	1	15	60	65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MẠNH	P9	84-85	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI KHẮC SƠN	P9	80-81	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LẠI VĂN MẠNH	P9	74-75	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TOÀN	P9	88-89	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG	P9	86-87	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	8	8	40	563	0	9		
2	P9	11	18	166	742	80	9		
3	P2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	26	206	1.305	80	22		
WEIGHT KG				206	1.305	80			

GRAND TOAL: 1.591 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/03/2023	TO: P11 - TD5 - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Dương - MMinh - MQUÂN -	ETA: 11:25
CAM-2		M.Đức	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH NGỌC HÙNG	P11	24	1	7		64	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ NGUYỄN MINH PHƯỚC	P11	22-23	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CÔNG	P11	30-31	2	16	20	75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC KIM	P11	38-39	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN TIẾN DUNG	P11	50	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
6	LA KHÁC HẢO	P11	25	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO TRI	P11	48-49	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HỮU QUYNH	P11	46	1	10	12	65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN BA CUÔNG	P11	34-35	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
10	HA VĂN NHIỆM	P11	40	1	20		69	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P11	44-45	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN MẠNH HUNG	P11	42	1	10	15	85	XAYLAP	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN NGHĨA	P11	32-33	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG HINH	P11	36-37	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG TUYẾN	P11	51-52	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH KÝ	P11	28-29	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HAI BĂNG	P11	26-27	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM VĂN CHÍNH	P11	21	1	19		74	XAYLAP	Vietnamese
19	LƯU QUY DUNG	P11	41	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	14	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	15	1	3		58	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	16-17	2	6	15	74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	19	30	281	1.260	47	17		1 NB NGUYEN MINH DUC(PILOT)
2	TD5	3	4	14	202	15	3		
3	RP1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	34	295	1.462	62	21		
WEIGHT KG				295	1.462	62			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK20+TD1	7:25	1+0+18	0+0+0		0+0+20	0+0+0	chuyến 4 ctk3-bk20
2		BK15+P10+VSP01	7:25	9+13+0	0+0+0		7+13+0	0+0+0	chuyến 2 p10-vsp01
3		P6+TTC1+P9	7:25	3+0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyến 2 P6-TTC1
4		BK10+BK4	9:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
5		P10+BK10	9:25	13+9	0+0		11+7	0+0	
6		P11+BK15+P2	9:25	13+1+8	0+0+0		9+4+9	0+0+0	
7		P2+BK20+CTK3	11:25	19+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	chuyến 4 bk20-ctk3
8		BK3+P6+BK21	11:25	20+0+0	0+0+0		5+3+0	0+0+0	chuyến2 bk3-bk21chuyến 1
9		P9+TD1+RP3	11:25	4+5+5	0+0+0		8+3+10	0+0+0	p6-bk21

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày P6-3ng, BK15-3 ng, BK14-2ng

(Xếp 60 chuyến)



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CTK3 - BK20 - TD1	CREW: VThắng - MTHAO - NNam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN SOAI	CTK3	01	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN QUY	TD1	80	1	5	40	56	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH HUY TOAN	TD1	89	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGOC SON	TD1	88	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN GIANG	TD1	77	1	5	20	68	KHOAN	Vietnamese
6	LUU THIEN DUC	TD1	79	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG TUAN ANH	TD1	75	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
8	LE BA PHUONG	TD1	92	1	5	78	71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG THUC	TD1	098	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
10	LARIN MIKHAIL	TD1	93	1	2		97	D-HANH	Russian
11	SHEREMETIEV ANDREY	TD1					80	D-HANH	Russian
12	DO MINH DUNG	TD1	94	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
13	HO VAN HAU	TD1	87	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH LUAN	TD1	96	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
15	DUONG MINH DUC	TD1	90	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
16	THAI DUC TOAN	TD1	95	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
17	VU THE HUNG	TD1	97	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUY	TD1	78	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DINH PHUONG	TD1	91	1	3		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	1	9	74	0	0	0	CHUYEN 4 PAX CTK3-BK20
2	BK20	0	0	0	0	0	0	0	
3	TD1	18	17	94	1.249	138	20	0	
TOTAL		19	18	103	1.323	138	20	0	
WEIGHT KG				103	1.323	138			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2023	TO: BK15 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Dương - TTrung - QTrưởng	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	BK15					72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH BA DONG	BK15					70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUOC KHANH	BK15	12	1	5	107	72	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH SANG	BK15	35	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THANG	BK15	36	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC TUNG	BK15	37	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG KHA	BK15	33-34	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG HUU THUAN	BK15	39	1	5		66	CODIEN	Vietnamese
9	PHAM NGOC PHUONG	BK15	38	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	P10	17-18	2	13		70	YTE	Vietnamese
11	KLOC	P10	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VU NGUYEN TRUNG	P10					49	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU LUU	P10	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH KHOA	P10	20	1	7	40	67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BAO LAM	P10	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HUYNH VU	P10					72	KH-THAC	Vietnamese
17	LE NGOC NGUYEN	P10	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH HAI	P10	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DUC BA	P10					82	KH-THAC	Vietnamese
20	VU BAO TRUNG	P10	26	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HOANG SON	P10	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM NGOC THANH	P10	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	9	8	50	625	157	7		
2	P10	13	11	62	920	40	15		
TOTAL		22	19	112	1.545	197	22		
WEIGHT KG				112	1.545	197			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P6 - TTC1 - P9	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG DIỄN	P6					64	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN VINH PHƯƠNG	P6					71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC VƯỢNG	P6				20	68	CODIEN	Vietnamese
4	VASYANKIN ALEXEY	P9	02	1	15		117	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	11	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN CƯ	P9				80	58	KH-THAC	Vietnamese
7	IAKIMIDI RUSLAN	P9	07	1	17		106	KH-THAC	Russian
8	TRẦN THANH HAI	P9	05	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH THUY	P9	06	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGOC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ AN CHUNG	P9	98	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH THUY	P9	04	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	600	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9	01	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ SĨ BÌNH	P9	99	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN BĂNG	P9	03	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DŨNG	P9	10	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HÀ	P9	97	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	96	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC THANH	P9	08	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIỀN TÙNG	P9	09	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	3	0	0	203	20	0	2	CHUYEN 2 P6-TTC1
2	TTC1	0	0	0	0	23	0		
3	P9	18	16	107	1.361	80	22		
TOTAL		21	16	107	1.564	123	22		
WEIGHT KG				107	1.564	123			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: BK10 - BK4	CREW: TUYỀN - HÙNG - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

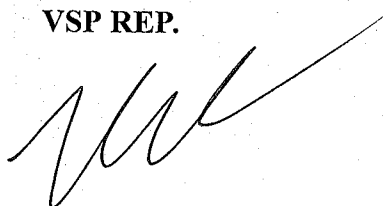
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC HOÀN	BK10	37	1	6	50	90	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	BK10	34	1	5	43	78	KHOAN	Vietnamese
3	SUKHOMLIN IGOR	BK10	31	1	6		125	KHOAN	Russian
4	LÊ VIỆT HÙNG	BK10	41	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN BÌNH	BK10					67	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH XUÂN PHÚ	BK10	33	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	40	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ XUÂN THUY	BK10	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HOANG GIANG	BK10	30	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	39	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ANH TUẤN	BK10	32	1	12	18	72	CODIEN	Vietnamese
13	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	BK10	37	1	5		62	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	35	1	3		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỤC	BK10	44	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TIỀN DŨNG	BK4	82-83	2	8	50	73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TIỀN	BK4	84	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4					69	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUY TOÀN	BK4	81	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG SƠN	BK4	80	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	85	1	4		66	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	BK4	79	1	6		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

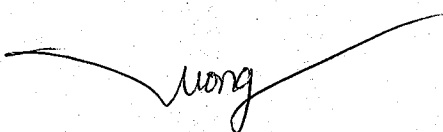
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	15	13	76	1.124	111	15		
2	BK4	7	7	38	485	50	7		
TOTAL		22	20	114	1.609	161	22		
WEIGHT KG				114	1.609	161			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2023	TO: P10 - BK10	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Dương - TTrung - QTrưởng	ETA: 11:45
CAM-2			

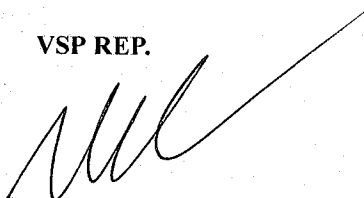
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN LỢI	P10	28	1	8	55	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	27	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	35	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	32	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	36	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CHI HIỆU	P10	30	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUANG ANH	P10	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	34	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LUÔNG ANH VŨ	P10	46	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG PHU	P10	38	1	7	76	78	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM THẾ CÔNG	P10	33	1	4		60	PSV	Vietnamese
14	ĐẶNG DUY LY	BK10	56	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
15	ĐO TRƯỜNG GIANG	BK10	50	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ MẠNH HÙNG	BK10	51	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH NGỌC GIANG	BK10	52-53	2	7		82	KHOAN	Vietnamese
18	BUI XUÂN DUY	BK10	57	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG TIẾN	BK10	48-49	2	8		78	KHOAN	Vietnamese
20	BUI TRẦN NAM	BK10	69	1	10	38	65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TÙNG	BK10	58-59	2	15		69	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC HUY	BK10	54-55	2	15		65	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

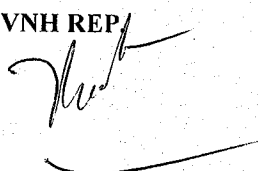
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	13	13	71	900	131	11		
2	BK10	9	13	74	640	38	7		
TOTAL		22	26	145	1.540	169	18		
WEIGHT KG				145	1.540	169			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

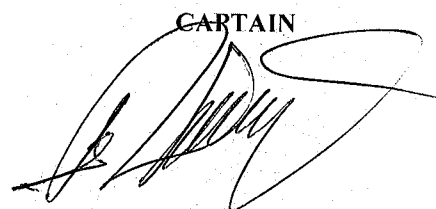
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: P11 - BK15 - P2	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 11:50
VANG-2			

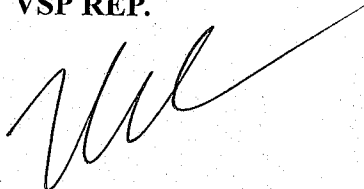
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	63-64	2	18	90	101	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HÀ	P11	65-66	2	15		79	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT DŨNG	P11	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	67-68	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LŨ SƠN	P11	55-56	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN SÁCH ĐÓN	P11	58	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN CUÔNG	P11	69	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LONG	P11	59	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÂM VĂN HẠNH	P11	54	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HOÀNG VŨ	P11	57	1	11		68	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LINH	P11	61	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LỰC	P11	60	1	9		96	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HIỆP	P11	62	1	8		54	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	BK15	40-41	2	10		63	PSV	Vietnamese
15	PHAN ANH ĐỨC	P2	25	1	3	35	65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ĐĂNG TUÂN	P2	26	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ THANH LONG	P2	27-28	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	24	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ VĂN TRUNG	P2	23	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN ĐO	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ANH NGỌC	P2	22	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	29	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	13	17	139	949	90	9		
2	BK15	1	2	10	63	0	4		
3	P2	8	8	57	563	35	9		
TOTAL		22	27	206	1.575	125	22		
WEIGHT KG				206	1.575	125			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: P2 - BK20 - CTK3	CREW: TUYỀN - HÙNG - Toàn	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	41	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	35-36	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG ĐỨC LINH	P2	43	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN KHẮC CÂN	P2	40	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	39	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HÙNG CUÔNG	P2	49	1	5	28	77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN SƠN TIỀN	P2	38	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHÙNG ANH TUẤN	P2	42	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	P2	48	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI ĐỨC HẠU	P2	33-34	2	10		62	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ANH	P2	32	1	10		63	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG PHÚC THIÊN	P2	45	1	6		83	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY THÂN	P2	47	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
14	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	P2	46	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN MINH TÙNG	P2	66-67	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
16	NÔNG MINH HẢI	P2	52	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM CAO CUÔNG	P2	50,51	2	7		70	T-TIN	Vietnamese
18	TÀ QUANG PHÚC	P2	44	1	7		109	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG VIỆT ANH	P2	37	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	23	146	1.369	28	17		CHUYEN 4 PAX BK20-CTK3
2	BK20	0	0	0	0	0	0 + 4		
3	CTK3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		19	23	146	1.369	28	17		
WEIGHT KG				146	1.369	28			

GRAND TOAL: 1.543 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2023	TO: BK3 - P6 - BK21	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Linh - CHIẾN - Huy	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG DUNG	BK3	15	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DUY KHUONG	BK3	12	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	09	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CONG THANH	BK3	13	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI QUANG DUY	BK3	14	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SA	BK3	08	1	3		69	PSV	Vietnamese
7	CAO DUY LUNG	BK3	10-11	2	8		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	7	8	40	484	0	5+2		CHUYEN 2 PAX BK3-BK21 CHUYEN 1 PAX P6-BK21
2	P6	0	0	0	0	12	3+1		
3	BK21	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		7	8	40	484	12	8		
WEIGHT KG				40	484	12			

GRAND TOAL: 536 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2023	TO: P9 - TD1 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 14:10
CAM-3			

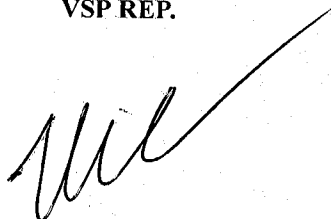
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HAI	P9	16	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CAO CHI	P9	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN KIM THẠCH	P9	19-20	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN VIỆT	P9	17	1	3		78	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG KIEN	TD1	57-58	2	9		54	KHOAN	Vietnamese
6	HA KHUÔNG DUY	TD1	55-56	2	13		63	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ HỮU KÊ	TD1	59-61	3	17		83	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIỆN	TD1	98	1	5		75	DVL	Vietnamese
9	PHAN NGỌC TIEN	TD1	62	1	8		62	DVL	Vietnamese
10	PHẠM THAI SƠN	RP3	14-15	2	15		54	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ NGỌC ANH	RP3	18-19	2	21		74	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRI PHƯỚC	RP3	16-17	2	11		68	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	RP3	12-13	2	15	80	60	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN TUẤN ANH	RP3	10-11	2	9	43	75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

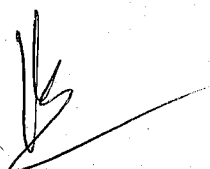
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	4	5	23	276	0	8		
2	TD1	5	9	52	337	0	3		
3	RP3	5	10	71	331	123	10		
TOTAL		14	24	146	944	123	21		
WEIGHT KG				146	944	123			

GRAND TOAL: 1.213 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

